

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT TP. HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

Trụ sở chính: Tầng 2, số 142 Đội Cấn, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024.62732059

Fax: 024.62732058

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Tiến Sơn – Phó CT HĐQT độc lập

Địa chỉ: Số 531A tổ 31, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0246 273 2059

Fax:

Loại thông tin công bố: Bất thường

Nội dung thông tin công bố:

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/BB-ĐHĐCĐ/TVB ngày 01/03/2021 (Tài liệu đính kèm);
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 01/03/2021 (Tài liệu đính kèm);
- Các tài liệu đi kèm Biên bản và Nghị quyết.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử Công ty vào ngày 02/03/2021 tại đường dẫn <https://tvsc.vn/thong-tin-cong-bo/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 02 tháng 03 năm 2021
Người ủy quyền CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Sơn

BIÊN BẢN KỶ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

Trụ sở chính : Tầng 2, Số 142 Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 46/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 28/12/2006, điều chỉnh lần lần gần nhất theo giấy phép số 79/GPĐC-UBCK ngày 02/12/2020.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2021, vào hồi 14h45' tại trụ sở chính Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt được tiến hành với các nội dung sau:

PHẦN 1: KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Thành phần tham dự Đại hội.

Đại hội đã nghe Ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là 2.798 người, sở hữu và đại diện cho tổng số 54.725.873 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông thực tế dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là 24 đại biểu, sở hữu và đại diện đối với 46.389.730 cổ phần tương ứng với 46.389.730 số phiếu biểu quyết, chiếm 84,77% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt đã hội đủ các điều kiện để tiến hành. Các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp có quyền biểu quyết theo số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện.

2. Khai mạc Đại hội

Đại hội đã tiến hành các thủ tục:

- Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội

- Giới thiệu Ông Phạm Thanh Tùng – là Chủ tọa điều hành đại hội
- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký đại hội và đề xuất ban Ban kiểm phiếu để đại hội lựa chọn

2.1. Chủ tọa và bộ phận giúp việc Chủ tọa

Đại hội đã thông qua Đoàn chủ tịch gồm 02 người:

- Ông Phạm Thanh Tùng – Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội
- Ông Đỗ Đức Nam – Tổng Giám đốc – Thành viên Đoàn chủ tịch

2.2. Thư ký Đại hội

Chủ tọa Đại hội đã chỉ định Thư ký Đại hội là Ông Trần Việt Dũng

2.3. Ban kiểm phiếu

Ban tổ chức giới thiệu Ban Kiểm phiếu gồm 3 người, xin ý kiến đại hội thông qua:

- Bà Trần Thu Hiền - Trưởng Ban Kiểm phiếu
- Ông Nguyễn Ngọc Anh – Thành viên Ban Kiểm phiếu
- Bà Lê Thị Giang – Thành viên Ban Kiểm phiếu

Biểu quyết tại Đại hội: 100% các cổ đông đồng ý với nhân sự Ban Kiểm phiếu.

3. Chương trình Đại hội và Quy chế Đại hội

Đại hội đã nghe Đoàn Chủ tịch đọc Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Quy chế tổ chức và Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết áp dụng tại Đại hội.

Đại hội đã nhất trí 100% thông qua nội dung Chương trình Đại hội (bao gồm cả nội dung đã bổ sung), Quy chế làm việc và Nguyên tắc phát biểu, thể lệ biểu quyết, quy chế bầu cử áp dụng tại Đại hội.

PHẦN 2: CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG ĐẠI HỘI

Ông Ngô Tuấn Anh được ủy quyền trình bày các báo cáo:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban Điều hành.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
- Tờ trình xin ý kiến thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty.
- Tờ trình thù lao HĐQT và BKS năm 2021.

- Tờ trình Thông qua việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.
- Tờ trình xin ý kiến việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021.
- Tờ trình xin ý kiến thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty.
- Tờ trình thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.
- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với Ông Nguyễn Thanh Duy và Ông Vũ Đình Hưng và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.
- Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Hán Công Khanh và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

PHẦN 3: THẢO LUẬN CỦA CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI.

Chủ tọa cho Đại hội tiến hành thảo luận và đã trả lời đầy đủ các ý kiến chất vấn của cổ đông.

PHẦN 4: ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH BIỂU QUYẾT.

Vấn đề 1: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban Tổng Giám đốc.

Vấn đề 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021.

Vấn đề 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Vấn đề 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Vấn đề 5: Thông qua Tờ trình xin ý kiến thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty.

Vấn đề 6: Thông qua thủ lao HDQT và BKS năm 2021.

Vấn đề 7: Thông qua bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

Vấn đề 8: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán.

Vấn đề 9: Thông qua tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty.

Vấn đề 10: Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Vấn đề 11: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Vấn đề 12: Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty

Vấn đề 13: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Vấn đề 14: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với Ông Nguyễn Thanh Duy và Ông Vũ Đình Hưng và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

Vấn đề 15: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Hán Công Khanh và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

PHẦN 5: KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh – đại diện Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.

2. Ông Phạm Thanh Tùng – Chủ tọa Đại hội, căn cứ vào kết quả kiểm phiếu do Ban kiểm phiếu thực hiện tuyên bố vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua:

Vấn đề 1: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban Điều hành. Cụ thể:

1. Kết quả kinh doanh năm 2020.

- Tổng doanh thu: 171,102,002,339 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 84,040,537,207 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 72,292,354,128 đồng

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

- Tổng doanh thu: 240,000,000,000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 100,000,000,000 đồng

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.358.115 cổ phần, chiếm 99,93% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 31.615 cổ phần, chiếm 0,07% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*

Vấn đề 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.358.115 cổ phần, chiếm 99,93% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 31.615 cổ phần, chiếm 0,07% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*

Vấn đề 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.372.730 cổ phần, chiếm 99,96% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 17.000 cổ phần, chiếm 0,04% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*

Vấn đề 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt theo nội dung tờ trình số 04/2021/TTr-TVB

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.389.730 cổ phần, chiếm 100% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*

Vấn đề 5: Thông qua Tờ trình xin ý kiến thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty theo nội dung tờ trình số 05/2021/TTr-TVB

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.389.730 cổ phần, chiếm 100% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*

Vấn đề 6: Thông qua thù lao HĐQT và BKS năm 2021 theo nội dung tờ trình số 06/2021/TTr- TVB

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.341.115 cổ phần, chiếm 99,9% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 48.615 cổ phần, chiếm 0,1% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*

Vấn đề 7: Thông qua việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo nội dung tờ trình số 07/2021/TTr-TVB

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.389.730 cổ phần, chiếm 100% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*

Vấn đề 8: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán sau đây làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 theo nội dung tờ trình số 08/2021/TTr-TVB

1. Công ty TNHH PKF Việt Nam

2. Công ty TNHH Kiểm toán TTP
3. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
4. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
5. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
6. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)

Trong trường hợp khi việc đàm phán về phí và thời gian kiểm toán đối với các đơn vị trên không đáp ứng được yêu cầu của Công ty thì ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một đơn vị khác trong danh sách các đơn vị kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho doanh nghiệp niêm yết. Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán, Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt sẽ thực hiện công bố thông tin khi ký hợp đồng kiểm toán.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.389.730 cổ phần, chiếm 100% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội*

Vấn đề 9: Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty theo nội dung tờ trình số 09/2021/TTr-TV B

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.389.730 cổ phần, chiếm 100% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội*

Vấn đề 10: Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021 theo nội dung tờ trình số 10/2021/TTr-TV B

1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020:

- Lợi nhuận sau thuế: 72,292,354,128 đồng;
- Lợi nhuận phân phối các năm trước chuyển sang: 37,557,499,045 đồng;
- Tổng lợi nhuận sau thuế có thể phân phối : 109,849,853,173 đồng;
- Trích lập quỹ Dự trữ bổ sung VDL (tỷ lệ 5%): 973,966,986 đồng;
- Trích lập quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp (tỷ lệ 5%): 973,966,986 đồng;
- LN còn lại sau thuế & trích các quỹ bắt buộc : 107,901,919,201 đồng;
- Chi trả cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 7,3%: 35,452,030,000 đồng;
- Tạm ứng chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%: 54,725,873,002 đồng;
- Lợi nhuận giữ lại sau khi phân phối: 17,724,016,199 đồng.

2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021

Theo kế hoạch kinh doanh, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 100 tỷ đồng. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chi trả cổ tức như sau:

2.1. Mức chi trả cổ tức dự kiến năm 2021 tối đa không quá 20% vốn điều lệ căn cứ vào kết quả kinh doanh và lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

2.2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, tỷ lệ tạm ứng hoặc chi trả cổ tức năm 2021 trên cơ sở kết quả kinh doanh thực tế tại thời điểm tạm ứng/chi trả, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.372.730 cổ phần, chiếm 99,96% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 17.000 cổ phần, chiếm 0,04% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội*

Vấn đề 11: Thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung tờ trình số 11/2021/TTr-TVB

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.372.730 cổ phần, chiếm 99,96% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 17.000 cổ phần, chiếm 0,04% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội*

Vấn đề 12: Thông qua quy chế nội bộ về Quản trị Công ty theo nội dung tờ trình số 12/2021/TTr-TVB

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.389.730 cổ phần, chiếm 100% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội*

Vấn đề 13: Thông qua quy chế nội bộ về Quản trị Công ty theo nội dung tờ trình số 13/2021/TTr-TVB

Đại hội biểu quyết thông qua:

- *Tán thành: 46.389.730 cổ phần, chiếm 100% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.*

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

Vấn đề 14: Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Thanh Duy và Ông Vũ Đình Hưng và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị.

Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Thanh Duy và Ông Vũ Đình Hưng.

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tán thành: 46.389.730 cổ phần, chiếm 100% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

Thông qua bầu ông Đỗ Thanh Hà và Ông Đỗ Đức Nam giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt, nhiệm kỳ 2021-2025.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt sau khi bầu bổ sung gồm:

- Ông Phạm Thanh Tùng - Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024
- Ông Nguyễn Tiến Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2019 - 2023
- Ông Phan Lê Thành Long - Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2018 - 2022
- Ông Đỗ Thanh Hà - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025
- Ông Đỗ Đức Nam - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2025

Đại hội biểu quyết:

Ông Đỗ Thanh Hà: nhận được 46.389.630 số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

Ông Đỗ Đức Nam: nhận được 46.358.015 số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

Vấn đề 15: Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Hán Công Khanh và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Hán Công Khanh

Đại hội biểu quyết thông qua:

- Tán thành: 46.389.730 cổ phần, chiếm 100% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

Thông qua bầu Ông Nguyễn Phi Khanh tham gia trở thành Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt sau khi bầu bổ sung gồm:

- Ông Nguyễn Phi Khanh – Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2025
- Ông Bùi Minh Tuấn – Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2024
- Ông Phạm Đức Minh – Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2022

Đại hội biểu quyết:

Ông Nguyễn Phi Khanh: nhận được 46.389.630 số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội

PHẦN 6: CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH VÀ THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI XIN Ý KIẾN ĐHĐCĐ

Vấn đề 16: Hội đồng Quản trị báo cáo và xin ý kiến cổ đông về việc tiếp tục triển khai các nội dung mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 03/03/2020, bao gồm:

- Thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty (75,6%) tới cơ quan có thẩm quyền;
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục, hồ sơ liên quan đến thay đổi/ đăng ký Người đại diện pháp luật với các Cơ quan quản lý phù hợp với thực tế điều hành Công ty;
- Thực hiện đăng ký bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán và các nghiệp vụ khác.

Biểu quyết tại Đại hội: 94,5% các cổ đông nhất trí với nội dung trên.

Vấn đề 17: Một số cổ đông đề xuất ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP).

ĐHĐCĐ tiến hành thảo luận tại đại hội và biểu quyết thông qua phương án phát hành ESOP (Phương án chi tiết đính kèm)

Biểu quyết tại Đại hội: 94,5% các cổ đông nhất trí với nội dung trên.

Các cổ đông tiến hành giao lưu, trao đổi một số nội dung khác.

PHẦN 7: CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Ông Trần Việt Dũng – Thư ký đại hội đọc Biên bản Đại hội và Nghị quyết trước Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Chủ tọa Đại hội – Ông Phạm Thanh Tùng – tuyên bố bế mạc Đại hội.

Biên bản này được lập lúc 17h15 ngày 01/03/2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm

Biên bản này được lập lúc 17h15 ngày 01/03/2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



TRẦN VIỆT DŨNG



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2014/QH13 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt ngày 01/03/2021;;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt ngày 01/03/2021.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua nghị quyết của Đại hội với các nội dung chính như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban Điều hành. Cụ thể:

1. Kết quả kinh doanh năm 2020.

- Tổng doanh thu: 171,102,002,339 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 84,040,537,207 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 72,292,354,128 đồng

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

- Tổng doanh thu: 240,000,000,000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 100,000,000,000 đồng

Điều 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt theo nội dung tờ trình số 04/2021/TTr-TV B

Điều 5: Thông qua Tờ trình xin ý kiến thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty theo nội dung tờ trình số 05/2021/TTr-TV B

Điều 6: Thông qua thù lao HĐQT và BKS năm 2021 theo nội dung tờ trình số 06/2021/TTr-TV B

Điều 7: Thông qua việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo nội dung tờ trình số 07/2021/TTr-TV B

Điều 8: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán sau đây làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 theo nội dung tờ trình số 08/2021/TTr-TV B

1. Công ty TNHH PKF Việt Nam
2. Công ty TNHH Kiểm toán TTP
3. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
4. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
5. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
6. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)

Trong trường hợp khi việc đàm phán về phí và thời gian kiểm toán đối với các đơn vị trên không đáp ứng được yêu cầu của Công ty thì HĐQT ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một đơn vị khác trong danh sách các đơn vị kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho doanh nghiệp niêm yết. Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán, Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt sẽ thực hiện công bố thông tin khi ký hợp đồng kiểm toán.

Điều 9: Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty theo nội dung tờ trình số 09/2021/TTr-TV B

Điều 10: Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021 theo nội dung tờ trình số 10/2021/TTr-TV B

1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020:

- Lợi nhuận sau thuế: 72,292,354,128 đồng;
- Lợi nhuận phân phối các năm trước chuyển sang: 37,557,499,045 đồng;
- Tổng lợi nhuận sau thuế có thể phân phối : 109,849,853,173 đồng;
- Trích lập quỹ Dự trữ bổ sung V&L (tỷ lệ 5%): 973,966,986 đồng;
- Trích lập quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp (tỷ lệ 5%): 973,966,986 đồng;
- LN còn lại sau thuế & trích các quỹ bắt buộc : 107,901,919,201 đồng;
- Chi trả cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 7,3%: 35,452,030,000 đồng;
- Tạm ứng chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%: 54,725,873,002 đồng;

- Lợi nhuận giữ lại sau khi phân phối: 17,724,016,199 đồng.

2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021

Theo kế hoạch kinh doanh, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 100 tỷ đồng. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chi trả cổ tức như sau:

2.1. Mức chi trả cổ tức dự kiến năm 2021 tối đa không quá 20% vốn điều lệ căn cứ vào kết quả kinh doanh và lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

2.2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, tỷ lệ tạm ứng hoặc chi trả cổ tức năm 2021 trên cơ sở kết quả kinh doanh thực tế tại thời điểm tạm ứng/chi trả, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11: Thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung tờ trình số 11/2021/TTr-TVB

Điều 12: Thông qua quy chế nội bộ về Quản trị Công ty theo nội dung tờ trình số 12/2021/TTr-TVB

Điều 13: Thông qua quy chế nội bộ về Quản trị Công ty theo nội dung tờ trình số 13/2021/TTr-TVB

Điều 14: Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Thanh Duy và Ông Vũ Đình Hưng và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị.

14.1 Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Thanh Duy và Ông Vũ Đình Hưng.

14.1 Thông qua bầu ông Đỗ Thanh Hà và Ông Đỗ Đức Nam giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt, nhiệm kỳ 2021-2025.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt sau khi bầu bổ sung gồm:

- Ông Phạm Thanh Tùng - Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024
- Ông Nguyễn Tiến Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2019 - 2023
- Ông Phan Lê Thành Long - Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2018 - 2022
- Ông Đỗ Thanh Hà - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025
- Ông Đỗ Đức Nam - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2025

Điều 15: Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Hán Công Khanh và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

15.1. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Hán Công Khanh.

15.2 Thông qua bầu Ông Nguyễn Phi Khanh tham gia trở thành Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt sau khi bầu bổ sung gồm:

- Ông Nguyễn Phi Khanh – Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2025
- Ông Bùi Minh Tuấn – Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2024
- Ông Phạm Đức Minh – Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2022

Điều 16: Hội đồng Quản trị báo cáo và xin ý kiến cổ đông về việc tiếp tục triển khai các nội dung mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 03/03/2020, bao gồm:

- Thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty (75,6%) tới cơ quan có thẩm quyền;
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục, hồ sơ liên quan đến thay đổi/ đăng ký Người đại diện pháp luật với các Cơ quan quản lý phù hợp với thực tế điều hành Công ty;
- Thực hiện đăng ký bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán và các nghiệp vụ khác.

Điều 17: Một số cổ đông đề xuất ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP).

ĐHĐCĐ tiến hành thảo luận tại đại hội và biểu quyết thông qua phương án phát hành ESOP (Phương án chi tiết đính kèm)

Điều 18: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2021.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng/Ban/Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của Cổ đông, Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- Các cổ đông, Website;
- HNX, HSX, UBCKNN;
- Các TV HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu TK, VT Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



CHỦ TỌA

Phạm Thanh Tùng

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa các Quý vị Cổ đông và Quý vị Đại diện Cổ đông,

Ban Tổng Giám đốc (TGD) báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

1. Tình hình kinh tế, thị trường chứng khoán năm 2020

- Cùng với toàn thế giới, kinh tế Việt Nam năm 2020 bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid – 19. Việc khống chế thành công dịch bệnh và lấy lại đà tăng trưởng kinh tế của Chính Phủ đã đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng ấn tượng nhất thế giới trong năm 2020. Tăng trưởng kinh tế GDP đạt 2.91%, cao nhất trong khu vực ĐNA (tăng trưởng toàn cầu -4.4%). Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp 3.23% so với năm 2019. Cán cân thương mại duy trì xuất siêu; thị trường tài chính, tiền tệ ổn định.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam vượt qua “Năm Covid – 19” một cách ngoạn mục với sự hồi phục mạnh mẽ, thanh khoản tăng cao kỷ lục với sự tham gia mạnh mẽ của lớp nhà đầu tư mới. Tính tới thời điểm cuối năm, tổng mức huy động vốn cho nền kinh tế của TTCK tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Tính tới 31/12, VNIndex đạt 1,103 điểm, tăng 14.9%; trong khi HNX đạt 203 điểm, tăng 99% so với thời điểm cuối năm 2019. Giá trị giao dịch bình quân thị trường cổ phiếu đạt 7.056 tỷ đồng/phiên, tăng 51,5% so với bình quân năm 2019; Giá trị bình quân thị trường trái phiếu đạt 10.247 tỷ đồng/phiên, tăng 11,3%; Khối lượng giao dịch bình quân sản phẩm hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 trên thị trường phái sinh đạt 157.314 hợp đồng/phiên, tăng 77% so với cùng kỳ năm 2019. Sự bùng nổ của thị trường chứng khoán là kết quả cộng hưởng từ việc giảm lãi suất ngân hàng, tăng cho vay lãi suất thấp và các khó khăn về cơ hội đầu tư và lợi nhuận trong các lĩnh vực khác như dịch vụ, BĐS, vàng và ngoại tệ...

2. Các hoạt động và thành tích nổi bật của TVB năm 2020

Năm 2020, vượt qua khó khăn của thị trường chung do ảnh hưởng của Covid – 19, TVB đã tạo nên dấu ấn riêng với những sự kiện, hoạt động, thành tựu vô cùng ấn tượng:

- TVB ra mắt giao diện Website mới và Ứng dụng TVB Mobile Trade được tích hợp

nhiều tính năng vượt trội, mang đến cho khách hàng giao diện hoàn toàn mới, hiện đại, gần gũi và nhiều tiện ích.

- TVB lọt TOP 10 CTCK có lãi sau thuế tăng mạnh nhất quý II/2020.
- TVB lọt TOP 10 CTCK có thị phần lớn nhất HNX quý II/2020.
- TVB lọt TOP 5 CTCK thuộc bộ chỉ số VNFIN SELECT do HOSE công bố.
- Lợi nhuận năm 2020 tăng trưởng vô cùng ấn tượng với mức tăng gần 4 lần (371%) so với năm 2019.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020/ Năm 2019	Tỷ trọng
Doanh thu	171,102,002,339	71,428,861,063	239.5%	100%
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	26,368,527,273	1,050,000	2511288.3%	15.4%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5,983,917,828	1,548,794,523	386.4%	3.5%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	68,410,673,358	27,319,254,900	250.4%	40.0%
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	289,745,200	30,393,450	953.3%	0.2%
Doanh thu nghiệp vụ môi giới CK	52,159,463,199	23,896,433,798	218.3%	30.5%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	30,000,000	-	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	221,161,811	4,829,391,257	4.6%	0.1%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký CK	810,962,029	483,233,144	167.8%	0.5%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	442,727,273	204,545,455	216.4%	0.3%
Doanh thu hoạt động tài chính	423,167,025	392,585,009	107.8%	0.2%
Thu nhập hoạt động khác	1,100,884,074	912,159,973	120.7%	0.7%
Thu nhập khác	14,890,773,269	11,781,019,555	126.4%	8.7%
Chi phí	87,061,465,132	46,976,264,831	185.3%	-
Chi phí thuế TNDN	11,748,183,079	4,973,256,505	236.2%	-
Lợi nhuận sau thuế	72,292,354,128	19,479,339,727	371.1%	-

- Năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng mạnh so với năm 2019: Tổng doanh thu tăng bằng 239.5% so với năm 2019 với mức tăng ấn tượng của các Nghiệp vụ chính là Đầu tư, Giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán và Nghiệp vụ Môi giới. Doanh thu từ hoạt động GDKQ và ứng trước tiền bán tăng bằng 250.4% so với năm 2019 từ mức 27.3 tỷ năm 2019 lên 68.4 tỷ năm 2019, chiếm 40% Tổng doanh thu. Doanh thu từ hoạt động môi giới tăng bằng 218.3% so với năm 2019, chiếm 30.5% Tổng Doanh thu. Doanh thu từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ đạt 26.3 tỷ đồng, chiếm 15.4% Tổng Doanh thu trong khi năm 2019 khoản này ghi nhận doanh thu rất thấp (khoảng 1 triệu đồng).
- Trong năm 2020, Tổng chi phí tăng bằng 185.2% so với năm 2019 – thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng Doanh thu (239.5%) nên LNST của Công ty tăng mạnh bằng 371.1% so với năm 2019, đạt 72.29 tỷ đồng.
- Tóm tắt kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu tài sản và hiệu quả hoạt động:

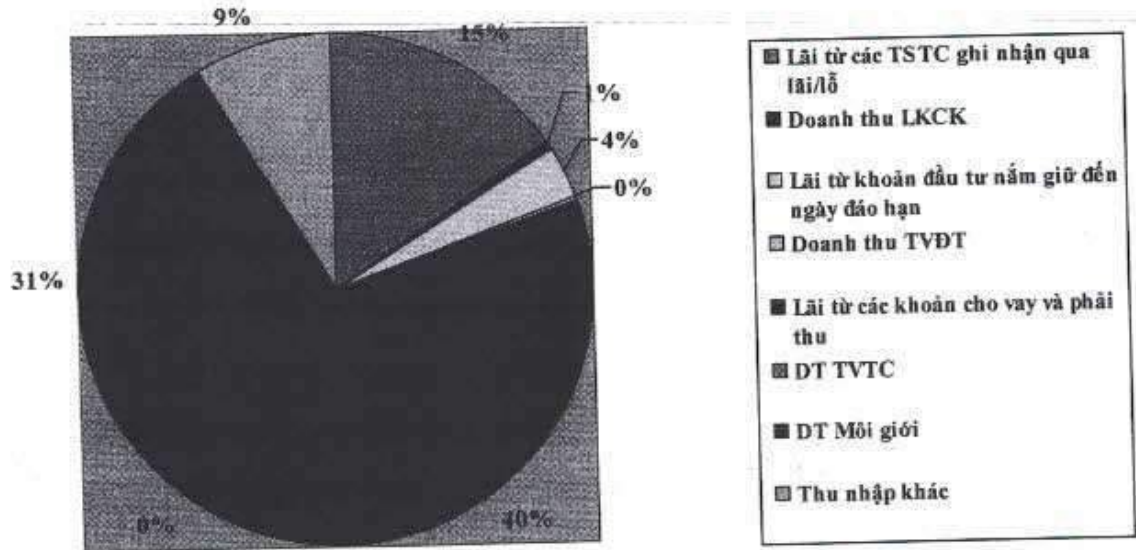
Cân đối kế toán	Năm 2020	Năm 2019	Tăng trưởng
Tổng Tài sản	960,940,403,373	751,525,127,354	127.9%
Vốn chủ sở hữu	602,688,541,614	543,550,943,579	110.9%
Chỉ số tài chính			
ROA	7.5%	2.6%	290.4%
ROE	12.0%	3.6%	334.9%
EPS (đồng)	1,373	401	329.4%
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	579.73%	416.47%	139.2%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2019, 2020)

Trong năm 2020, tất cả các chỉ tiêu về Tổng tài sản và hiệu quả hoạt động của Công ty đều có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2019. Tổng Tài sản tăng bằng 127.9%, VCSH tăng bằng 110.9% so với năm 2019. Các chỉ số hiệu quả hoạt động tăng mạnh so với năm 2019: ROA tăng bằng 290.4%, ROE tăng bằng 334.9%. Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng cũng tăng bằng 139.2% so với năm 2019.

Cơ cấu doanh thu hoạt động của Công ty:

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2020



Các hoạt động đóng góp chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty gồm:

- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (GDKQ) chiếm 40% tổng doanh thu và đạt 68.4 tỷ đồng.
- Doanh thu Môi giới chứng khoán chiếm 30.5% tổng doanh thu và đạt 52.2 tỷ đồng.
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (Đầu tư) chiếm 15.4% tổng doanh thu và đạt 26.4 tỷ đồng.

4. Các hoạt động khác

a) Số lượng tài khoản chứng khoán:

- Số lượng tài khoản đầu năm: 7.466 tài khoản
- Số lượng tài khoản tăng: 1.021 tài khoản
- Số lượng tài khoản giảm: 90 tài khoản
- Số lượng tài khoản cuối năm: 8.397 tài khoản

b) Tình hình sửa lỗi: 0 lỗi

c) Công nghệ thông tin

Trong năm công ty tiếp tục tiến hành nâng cấp hệ thống phần cứng và đảm bảo vận hành phần mềm ổn định, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và nằm trong lộ trình hiện đại hóa hệ thống phần mềm Công ty.

d) Dịch vụ chứng khoán

Trong năm Công ty triển khai các sản phẩm dịch vụ mới: App Mobile giao dịch trên điện thoại, mở tài khoản online, tách kênh đặt lệnh, chuyển tiền trên sức mua...nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

e) Tình hình nhân sự

Tính đến 31/12/2020 số lượng cán bộ nhân viên đang làm việc toàn thời gian tại công ty là 85 người, trong đó hầu hết trình độ đại học trở lên (91.7%), số lượng nhân viên có chứng chỉ hành nghề là 29 chứng chỉ.

5. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

5.1. Kế hoạch kinh doanh

Bối cảnh nền kinh tế: Kinh tế Việt Nam năm 2021 đối diện với nhiều khó khăn khi đại dịch COVID – 19 vẫn đang diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Nghị quyết Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2021 khoảng 6%, lạm phát khoảng 4%. Bên cạnh đó, Chính phủ đặt mục tiêu phân đầu trong điều hành GDP năm 2021 thêm ít nhất 0.5%, tức là lên mức 6.5%. Như vậy, mục tiêu tăng trưởng GDP 6.5% trong năm 2021 là thách thức rất lớn.

Ban Tổng Giám đốc kinh trình kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

- Tổng Doanh thu: **240 tỷ đồng**; Tăng so với năm 2020: **40%**
- Lợi nhuận sau thuế: **100 tỷ đồng**; Tăng so với năm 2020: **38%**

5.2 Giải pháp

5.2.1. Hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán

- Thành lập các khối Kinh doanh Môi giới mới và nâng tầm các khối MG hiện tại lên thành các Vùng kinh doanh, tuyển dụng và đào tạo.
- Đẩy mạnh các hoạt động chăm sóc khách hàng; Nghiên cứu triển khai đa dạng các sản phẩm tiện ích, đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường.
- Tập trung phát triển các khách hàng tổ chức, khách hàng và nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn.
- Đẩy mạnh đào tạo cho đội ngũ môi giới bao gồm đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề, đào tạo về sản phẩm, hệ thống giao dịch.
- Nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư chứng khoán, triển khai các buổi hội thảo phân tích thị trường, cung cấp các báo cáo phân tích chất lượng đến nhà đầu tư.

5.2.2 Công nghệ thông tin

- Tiếp tục hoàn thiện và chỉnh sửa bổ sung các tiện ích của phần mềm Flex. Đưa vào vận hành AppMobile giao dịch chứng khoán trên điện thoại di động thông minh.

- Xây dựng và hoàn thiện các phần mềm ứng dụng vào quản trị và thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Golive sản phẩm mở tài khoản online trên web/app và phân hệ trái phiếu Etreasure và giao diện web cho khách hàng.

5.2.3 Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Tập trung phát triển mạnh về mảng Sale (Chào bán các sản phẩm môi giới, nguồn vốn tới đối tượng khách hàng doanh nghiệp hoặc cổ đông lớn) bên cạnh các hoạt động IB truyền thống sẽ thực hiện nghiệp vụ hỗ trợ là chính.
- Hoàn thiện các cơ chế hỗ trợ kinh doanh phát triển khách hàng theo hướng rất cạnh tranh.
- Phát triển rộng mạng lưới công tác viên giới thiệu khách hàng cho Công ty.

5.2.4 Hoạt động tự doanh

- Lựa chọn các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tốt, đầu tư lâu dài và tham gia quản trị Công ty.

5.2.5 Hoạt động nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho cá nhân

- Cố gắng nâng cao tỷ trọng doanh thu do việc cung cấp dịch vụ UTQLTK trong kết quả kinh doanh chung của Công ty và biến dịch vụ này thành lợi thế cạnh tranh với Công ty khác dựa trên chất lượng các khoản đầu tư được ủy thác.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VP HĐQT, PC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đ. ĐINH T. P. HÀ NỘI

Đỗ Đức Nam

TRÍ VIỆT

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa các Quý vị Cổ đông.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động trong năm 2021 của HĐQT như sau:

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020:

Năm 2020, mặc dù ảnh hưởng của dịch Covid19 đã tác động không nhỏ tới nền kinh tế - xã hội nói chung nhưng lại là một năm khởi sắc của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thanh khoản và dòng tiền tham gia vào thị trường chứng khoán tăng liên tiếp qua từng phiên giao dịch cho thấy xu hướng dịch chuyển của dòng vốn từ ngân hàng sang chứng khoán là rất lớn. Xu thế đó tất yếu đã đưa đến kết quả hoạt động kinh doanh tích cực đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán trong năm qua.

Trong bối cảnh khủng hoảng và đại dịch covid, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt đã tận dụng tốt thời cơ của thị trường chứng khoán và đạt được kết quả kinh doanh tích cực với hầu hết các chỉ tiêu tài chính đều tăng trưởng đạt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao từ đầu năm 2020.

Cụ thể là, TVB đã hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh Đại hội đồng cổ đông giao năm 2020, trong đó doanh thu thuần đạt 171.1 tỷ đồng đạt 112.6% so với kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 72.29 tỷ đồng, đạt 101.9% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kế hoạch ĐHĐCĐ</i>	<i>Thực hiện 2020</i>	<i>% hoàn thành</i>
1	Tổng doanh thu	152,000,000,000 đ	171,102,002,339 đ	112.6%
2	Lợi nhuận sau thuế	71,000,000,000 đ	72,292,354,128 đ	101.9%

(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Chứng khoán Trí Việt năm 2020)

Ngày 25/11/2020, HĐQT đã phê chuẩn và thông qua kế hoạch thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 cho cổ đông với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ.

TVB đã hoàn tất việc tăng thêm 61.5 tỷ đồng vốn điều lệ (vốn đầu tư của chủ sở hữu) từ 485.74 tỷ đồng lên 547.25 tỷ đồng; trong đó bao gồm phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu là 35.45 tỷ đồng và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) là hơn 26 tỷ đồng.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Giá trị</i>
Vốn điều lệ 01 tháng 01 năm 2020	485,746,800,000 đ
Thay đổi vốn trong kỳ	61,511,930,000 đ
Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu	35,452,030,000 đ
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP)	26,059,900,000 đ
Vốn điều lệ ngày 31 tháng 12 năm 2020	547,258,730,000 đ

(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Chứng khoán Tri Việt năm 2020)

Ngày 25/12/2020, TVB đã được UBCK Nhà nước cấp Giấy chứng nhận số 324/GCN-UBCK chấp thuận việc phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng với tổng giá trị phát hành là 164,779,990,000 đồng (tỷ lệ phát hành: 10:3), dự kiến sẽ hoàn tất và báo cáo kết quả phát hành lên UBCK Nhà nước ngày trong quý II/2021.

II. Một số hoạt động chính của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2020

1. Các Nghị quyết đã ban hành

Trong năm qua, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ theo đúng quy định của pháp luật và trong các trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản trị đã triển khai việc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản nhằm giải quyết kịp thời công việc phát sinh. Hội đồng Quản trị xin báo cáo một số kết quả hoạt động đã đạt được trong năm 2020 như sau:

- HĐQT đã ban hành 29 Nghị quyết, Quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị nhằm kịp thời giải quyết các công việc phát sinh trong quá trình quản trị, giám sát mọi hoạt động của Công ty.
- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã họp và thông qua các Nghị quyết như sau:

STT	Số Nghị quyết	Số Quyết định	Nội dung Nghị quyết/Quyết định
1	01/2020/NQ-HĐQT/TVB	17/01/2020	Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020

2	02/2020/NQ-HĐQT/TVB	10/02/2020	Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của VP HĐQT
3	03/2020/NQ-HĐQT/TVB	18/02/2020	Phê duyệt lương của Chủ tịch khi trực tiếp tham gia quản lý, điều hành và vận hành hoạt động kinh doanh
4	04/2020/NQ-HĐQT/TVB	18/03/2020	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn Chủ sở hữu
6	02/2020/QĐ - CTHĐQT/TVB	06/05/2020	Bổ nhiệm Trợ lý Chủ tịch HĐQT đối với bà Trần Thu Hiền
7	03/2020/QĐ - CTHĐQT/TVB	11/05/2020	Điều chỉnh lương Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/07/2020
8	06/2020/NQ-HĐQT/TVB	16/06/2020	Miễn nhiệm Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng đối với ông Lê Trung Nghĩa
9	07/2020/NQ-HĐQT/TVB	16/06/2020	Bổ nhiệm Kế toán trưởng đối với bà Lương Thu Phượng
10	08/2020/NQ-HĐQT/TVB	25/06/2020	Phê duyệt phương án lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
11	09/2020/NQ-HĐQT/TVB	25/06/2020	Phê duyệt ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
12	07/2020/QĐ - CTHĐQT/TVB	30/06/2020	Giao nhiệm vụ Trợ lý Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Mạnh Thìn
13	10/2020/NQ-HĐQT/TVB	10/07/2020	Ban hành quy chế tài chính mới
14	11/2020/NQ-HĐQT/TVB	17/07/2020	Thành lập Ban quan hệ cổ đông (IR)
15	12/2020/NQ-HĐQT/TVB	17/08/2020	Phê duyệt việc bổ nhiệm Giám đốc Khối QTRR đối với ông Nguyễn Mạnh Linh
16	13/2020/NQ-HĐQT/TVB	17/08/2020	Sửa đổi điều lệ Công ty sau khi hoàn thành phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn Chủ sở hữu
17	08/2020/QĐ - CTHĐQT/TVB	17/08/2020	Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi 2020 đợt 2
18	14/2020/NQ-HĐQT/TVB	22/08/2020	Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng QTRR

19	15/2020/NQ-HĐQT/TVB	28/08/2020	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)
20	16/2020/NQ-HĐQT/TVB	20/10/2020	Phê duyệt phương án lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
21	17/2020/NQ-HĐQT/TVB	20/10/2020	Phân phối cổ phiếu không phát hành hết theo chương trình ESOP năm 2020
22	18/2020/NQ-HĐQT/TVB	20/10/2020	Tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền
23	19/2020/NQ-HĐQT/TVB	20/10/2020	Phê duyệt Hồ sơ chào bán chứng khoán để tăng vốn điều lệ
24	20/2020/NQ-HĐQT/TVB	25/11/2020	Điều chỉnh tỉ lệ tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền
25	21/2020/NQ-HĐQT/TVB	03/12/2020	Thông qua việc giao kết hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt
26	09A/2020/QĐ - CTHĐQT/TVB	07/12/2020	Bổ nhiệm chức vụ Trợ lý HĐQT về CNTT đối với ông Nguyễn Tuấn Dũng
27	10/2020/QĐ - CTHĐQT/TVB	17/12/2020	Phê duyệt danh sách cổ đông nhận tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2020
28	11/2020/QĐ - CTHĐQT/TVB	30/12/2020	Triển khai chương trình phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10:3)
29	22/2020/NQ-HĐQT/TVB	30/12/2020	Tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2021

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban Điều hành, kịp thời nắm bắt tình hình và có chỉ đạo định hướng giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình quản trị - điều hành Công ty; tăng cường năng lực quản trị Công ty theo các chuẩn mực về quản trị công ty đối với Công ty đại chúng.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường trong vòng 24/24 giờ để đảm bảo các hoạt động quản trị, điều hành thông suốt, kịp thời. Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo nhanh kết quả hoạt động, kinh doanh hàng tháng, trao đổi thông tin để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề vượt quá thẩm quyền phát sinh.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức, triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết Hội đồng quản trị nhanh chóng, chính xác đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, vừa đảm bảo hiệu quả tối ưu kết quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả đầu tư
- Công tác công bố thông tin được TVB nghiêm túc thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, giúp cho cổ đông, nhà đầu tư nắm bắt thông tin về Công ty đầy đủ và kịp thời.
- Hội đồng quản trị tiếp tục tăng cường củng cố bộ máy tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị cả về số lượng và chất lượng nhân sự, trong đó có việc hoàn thiện Văn phòng Hội đồng quản trị. Bộ phận trợ lý chuyên môn giúp việc cho HĐQT giám sát sâu các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời nắm bắt các vấn đề phát sinh và báo cáo Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị quan tâm sát sao đến việc xây dựng cơ cấu tổ chức và xây dựng chức năng nhiệm vụ Công ty. Ban điều hành có trách nhiệm xây dựng các nội dung chi tiết liên quan đến chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình và bảo vệ trước Hội đồng quản trị. Bộ tài liệu này tiếp tục được rà soát nhiều lần, liên tục để trở thành tài liệu hướng dẫn, đào tạo cho nhân sự mới.
- Hội đồng quản trị đã chủ động chỉ đạo Ban điều hành thiết kế các khóa đào tạo cho cán bộ quản lý cấp trung các khóa học kỹ năng, khóa học marketing để nâng cao trình độ toàn bộ máy. Các khóa đào tạo có sự tham gia của toàn hệ thống, các chi nhánh trên cả nước.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

- Bộ phận Quản trị rủi ro: Kiểm soát các hoạt động của Công ty và đẩy mạnh phát triển kinh doanh. Bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ: có nhiệm vụ giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, giám sát và kiểm tra các hoạt động của các Phòng ban khác để đảm bảo tuân thủ đúng quy chế của Công ty.

4. Thù lao của HĐQT

Thù lao của HĐQT trong năm 2020 là 2,315,422,723 đồng.

III. Đánh giá và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021

1. Đánh giá tình hình

Năm 2020, dù suy giảm mạnh về tăng trưởng và hầu hết các chỉ tiêu kinh tế, song Việt Nam nằm trong số hiếm hoi các nước vẫn giữ được mức tăng trưởng GDP dương 2.91% (quý 1 tăng 3.68%; quý 2 tăng 0.39%; quý 3 tăng 2.69%; quý 4 tăng 4.48%); lạm phát năm 2020 dù cao nhất trong 5 năm qua, lạm phát mang nặng yếu tố lạm phát tiền tệ và lạm phát ngoại

nhập do xu hướng chung là nới lỏng tài chính-tiền tệ, tăng đầu tư công và chi tiêu công, hỗ trợ xã hội và doanh nghiệp, giảm thiểu sức ép từ lạm phát chi phí đẩy (do giảm thuế và chi phí tài chính-tín dụng) và lạm phát cầu kéo (do tổng cầu xã hội tăng trưởng âm).

Thị trường chứng khoán Việt Nam vượt qua năm Covid-19 một cách ngoạn mục, với sự hồi phục mạnh mẽ, thanh khoản tăng cao kỷ lục, cùng đó là sự tham gia mạnh mẽ của lớp nhà đầu tư mới, vượt qua cả kỳ vọng; huy động vốn cho nền kinh tế của thị trường chứng khoán tăng hơn 20% so với năm trước. Đây là sự ngược dòng ấn tượng của TTCK so với tăng trưởng GDP chung. Sự bùng nổ TTCK là kết quả cộng hưởng từ việc giảm lãi suất ngân hàng, tăng cho vay lãi suất thấp và các khó khăn về cơ hội đầu tư và lợi nhuận trong các lĩnh vực khác, như kinh doanh dịch vụ, bất động sản, vàng và ngoại tệ...

Năm 2020 là năm vất vả và đầy trách nhiệm, nỗ lực của công ty chứng khoán Trí Việt trong việc tạo điều kiện tiếp sức cho doanh nghiệp và cá nhân khôi phục, thu hút nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trước ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Sự ổn định và tăng trưởng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2020 và năm 2021 tùy thuộc quan trọng vào sự thành công trong thực tế kiểm soát sự lây lan của Covid-19; tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công và chi tiêu công; triển khai hiệu quả các biện pháp tài chính-tiền tệ hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, trong đó có giảm thuế, hoãn nộp thuế và miễn phí sử dụng đất đối với các doanh nghiệp; hỗ trợ phục hồi tiêu dùng và gia tăng thương mại; tăng cường cải cách thể chế và cải thiện môi trường kinh doanh. Việt Nam cũng tăng cường khai thác các cơ hội từ sự tham gia các hiệp định thương mại song phương và đa phương, cũng như từ sự dịch chuyển và tái định vị các chuỗi cung ứng khu vực và quốc tế sang những quốc gia có chi phí thấp và an toàn hơn.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

Trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị đã thẩm định, đánh giá và đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

- Tổng Doanh thu: 240,000,000,000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 100,000,000,000 đồng

3. Một số giải pháp cụ thể

Với ảnh hưởng của dịch bệnh Covid19 tới nền kinh tế toàn thế giới từ cuối năm 2019 kéo dài đến nay, năm 2021 sẽ là năm còn nhiều khó khăn đối với sự tăng trưởng của kinh tế Việt Nam, ngành chứng khoán sau thời gian tăng trưởng vượt bậc có thể sẽ phát triển chậm lại trong năm 2021. Hội đồng Quản trị TVB đã xác định phương hướng hoạt động năm 2021 gồm một số các công tác chủ yếu sau:

- Quyết liệt chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành Công ty triển khai các giải pháp kinh doanh hiệu quả, phù hợp với diễn biến của thị trường và các kịch bản diễn biến của

10/10/2021

dịch bệnh nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Quyết tâm đẩy nhanh tiến độ triển khai các Dự án Chiến lược hiện đại hóa Công ty và tái cấu trúc hệ thống quản trị, điều hành với định hướng trọng tâm là tăng trưởng phải gắn với những cải cách mạnh mẽ, đa dạng cơ cấu thu nhập, quản trị tài chính và chi phí vốn hiệu quả.
- Tiếp tục đẩy mạnh Dự án số hóa và ứng dụng hệ thống CNTT trong hoạt động quản trị hành, hoàn thiện với nhiều tính năng hiện đại để hỗ trợ tối đa cho hoạt động kinh doanh và triển khai nhiều ứng dụng trực tuyến mang lại tiện ích tối đa cho khách hàng và nhà đầu tư.
- Khẩn trương hoàn tất các kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ nhằm đáp ứng các nhu cầu về vốn của Công ty cũng như đảm bảo kế hoạch bổ sung các nghiệp vụ/ngành nghề hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.
- Nâng cao chất lượng quản trị rủi ro, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế tối đa rủi ro trong hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh thu hồi và xử lý.

Hội đồng Quản trị xin cảm ơn toàn thể Quý vị cổ đông, Ban Điều hành cùng toàn thể CBNV Công ty CP Chứng khoán Trí Việt đã tin tưởng, đồng hành cùng Hội đồng Quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm qua. Hội đồng Quản trị cam kết sẽ nỗ lực hết mình thực hiện tốt mục tiêu chiến lược của TVB và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm tới, đưa TVB lên một tầm cao mới vì lợi ích của các cổ đông và thương hiệu TVB trên thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và phương hướng hoạt động trong năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VP HĐQT, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Tùng

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH
NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Kính thưa các Quý vị Cổ đông và Quý vị Đại diện Cổ đông,

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt các nội dung như sau:

I. Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

1. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt gồm 3 thành viên, các cuộc họp trong năm 2020 của Ban Kiểm soát như sau:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Hán Công Khanh	Trưởng BKS	23/04/2019	2	100%	
2	Trần Thành Trung	Thành viên BKS	13/03/2018	1	100%	Miễn nhiệm 31/7/2020
3	Bùi Minh Tuấn	Thành viên BKS	31/07/2020	1	100%	
4	Phạm Đức Minh	Thành viên BKS	13/03/2018	2	100%	

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

a) Kết quả kinh doanh

Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 như sau:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% hoàn thành kế hoạch	Thực hiện 2019	Tăng trưởng so với 2019
Tổng doanh thu (*)	152,000,000,000 đ	171,102,002,339 đ	112.6%	71,428,861,063	241%

Lợi nhuận sau thuế	71,000,000,000 đ	72,292,354,128 đ	101.9%	19,454,750,815	371%
--------------------	------------------	------------------	--------	----------------	------

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán)

(*) Tổng doanh thu = Doanh thu hoạt động + doanh thu hoạt động tài chính + thu nhập khác.

Nghị quyết ĐHCĐ năm 2020 của Công ty thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020 bao gồm tổng doanh thu là 152 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 71 tỷ đồng.

Kết thúc năm 2020 Doanh thu đạt 171.1 tỷ đồng tương ứng hoàn thành 112.6% kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế đạt 72.3 tỷ đồng tương ứng hoàn thành 101.8% kế hoạch.

b) Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu của Công ty như sau:

Vốn góp của chủ sở hữu (vốn điều lệ) của TVB năm 2020 tăng thêm 61.5 tỷ đồng; nâng tổng giá trị vốn góp của chủ sở hữu đến 31/12/2020 là 547.3 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu 31/12/2020 là 602.69 tỷ đồng; tăng thêm 59.14 tỷ đồng so với cuối năm 2019.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2020 còn là 17.72 tỷ đồng; thấp hơn 19.83 tỷ đồng so với cuối năm 2019, do trong năm 2020 TVB đã thực hiện phân phối cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và tạm ứng cổ tức 10%.

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	Thay đổi	Tỷ lệ
I. Vốn chủ sở hữu	602,688,541,614	543,550,943,579	59,137,598,035	110.9%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	563,597,623,500	502,085,693,500	61,511,930,000	112.3%
- Vốn góp của chủ sở hữu	547,258,730,000	485,746,800,000	61,511,930,000	112.7%
- Thặng dư vốn cổ phần	16,338,893,500	16,338,893,500		100.0%
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	15,511,216,909	0	15,511,216,909	
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2,927,842,503	1,953,875,517	973,966,986	149.8%
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	2,927,842,503	1,953,875,517	973,966,986	149.8%
5. Lợi nhuận chưa phân phối	17,724,016,199	37,557,499,045	(19,833,482,846)	47.4%
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	17,724,016,199	37,557,499,045	(19,833,482,846)	47.4%
- Lợi nhuận chưa thực hiện	0	0		

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD

- Ngay sau khi họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch giám sát các hoạt động trong Công ty. Đối với mỗi nghị quyết HĐQT đề ra, Ban Kiểm soát đã kiểm soát đảm bảo nội dung Nghị quyết theo đúng luật định hiện hành và chủ trương chung của toàn Công ty.

- Trong kỳ báo cáo, BKS đã thực hiện các công việc giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Các thành viên trong BKS được phân công nhiệm vụ phù hợp.
- Kiểm soát các kế hoạch và chiến lược của Công ty liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty trong quá trình ra quyết định và điều hành kinh doanh nhằm; từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- Tham gia thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm, xem xét tính minh bạch quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư, giám sát các đơn vị trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán nêu ra.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc (TGD) đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty trong công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chức năng đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

5. Thù lao của Ban Kiểm soát

Thù lao của BKS trong năm 2020 là: 60,500,000 đồng.

II. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của ban kiểm soát và kiểm soát viên

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của BKS được quy định tại Điều lệ Công ty và các hoạt động của BKS năm 2020 nêu trên, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS đã hoạt động đúng quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các văn bản của BKS đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- BKS đã có kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành để tăng cường công tác quản trị, hệ thống quy trình, quy chế nhằm giảm thiểu rủi ro kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát và kiểm soát viên tự đánh giá đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020.

III. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát như sau:

- Giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều

hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty;
- Thực hiện các công việc khác theo quy định.

Trên đây là nội dung Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát, Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VP HĐQT, HC.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hán Công Khanh



Số: 04/2021/TTr-TV B

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

V/v Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt;.
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (<http://tvsc.vn/>), bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020
4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trân trọng kính trình./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Tùng

Số: 05/2021/TTr-TVB

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

V/v: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng ra công chúng theo tỷ lệ 2:1 để tăng vốn điều lệ (Phương án phát hành đính kèm)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT
Tầng 2, số 142 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

PHƯƠNG ÁN
PHÁT HÀNH ĐỀ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY

HÀ NỘI, THÁNG 03/2021



CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO ĐỢT PHÁT HÀNH

Phương án phát hành cổ phiếu này được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt vào ngày 01 tháng 03 năm 2021.

Phương án này được xây dựng căn cứ vào:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh và nhu cầu vốn của Công ty cho các năm tiếp theo.

Nay xây dựng phương án phát hành cổ phiếu chào bán để tăng vốn điều lệ Công ty như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU TỶ LỆ 2:1

1. Phương án phát hành

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt
- Mệnh giá : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Tỷ lệ phát hành : Tỷ lệ 2:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu cũ sẽ được quyền mua thêm 1 cổ phiếu công ty phát hành thêm)
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa : 35.571.936 cổ phiếu (Ba mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm ba mươi sáu cổ phiếu).
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành sẽ được điều chỉnh phù hợp với thực tế sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán số 324/GCN-UBCK ngày 25/12/2020.

- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa theo mệnh giá : 355.719.360.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm tỷ, bảy trăm mười chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).
Giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá sẽ được điều chỉnh phù hợp với thực tế sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán số 324/GCN-UBCK ngày 25/12/2020.
- Giá phát hành : Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn giá phát hành nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ : Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có) : Số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết sẽ được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật với giá bán không thấp hơn giá đã chào bán cho cổ đông hiện hữu.
Số lượng cổ phiếu do HĐQT phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Điều kiện chuyển nhượng : Số lượng cổ phiếu phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng. Trừ cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu : Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau.
- Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành : Giá giao dịch của cổ phiếu TVB sẽ được điều chỉnh kỹ thuật giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu TVB sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu (điều chỉnh)} = \frac{P_{t-1} + (1 \times P)}{1+I}$$

Trong đó:

P_{t-1} : Giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.

P : Giá cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu

I: tỷ lệ vốn tăng từ việc phát hành thêm cho Cổ đông hiện hữu

- Thời gian dự kiến phát hành : Việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được tiến hành trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận việc phát hành.
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần : Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phần tại trụ sở chính Công ty. Cổ đông sẽ nộp tiền vào tài khoản phong tỏa theo sự thông báo của Công ty.

2. Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

a) Mục đích phát hành

Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính và mở rộng quy mô doanh nghiệp.

b) Phương án sử dụng vốn

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến được sử dụng để cho vay giao dịch kỹ quỹ, đầu tư kinh doanh chứng khoán và bổ sung vốn lưu động. Phương án sử dụng vốn chi tiết sẽ được xây dựng căn cứ vào tình hình thực tế từng thời kỳ của doanh nghiệp.

3. Niêm yết bổ sung và lưu ký bổ sung

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty thực hiện lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung theo quy định.

4. Ủy quyền

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 để tăng vốn điều lệ.
 - Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép Ủy ban chứng khoán Nhà nước thực hiện việc phát hành cổ phiếu;
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu và triển khai việc phát hành.
 - Xây dựng, điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ của doanh nghiệp.
 - Quyết định phân phối số cổ phiếu còn lại do các cổ đông hiện hữu không mua hết cho đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã phát hành.

- Xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ quy định.
- b) Thực hiện việc sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt phát hành.
- c) Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty chứng khoán liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- d) Quyết định sử dụng phần vốn thặng dư thu được từ đợt phát hành vào các hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, tự doanh hoặc bổ sung vốn lưu động trong trường hợp cổ phiếu phát hành cao hơn mệnh giá.
- e) Toàn quyền thực hiện các công việc khác có liên quan.

Nơi nhận:

- HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu TK Công ty.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Tùng



**DỰ THẢO TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

V/v: Thông qua kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông kết quả chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021 như sau:

1. Kết quả chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 như sau:

Tổng thù lao đã chi trả cho BKS năm 2020 là: 60.500.000 đồng

Tổng thù lao đã chi trả cho HĐQT năm 2020 là: 2.315.422.723 đồng

2. Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021 như sau:

Kế hoạch tổng thù lao sẽ chi trả cho BKS năm 2021 dự kiến là: 120.000.000 đồng

Kế hoạch tổng thù lao sẽ chi trả cho HĐQT năm 2021 dự kiến là: 4.000.000.000 đồng

3. Phương án thưởng cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc năm 2021

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc được thưởng tối đa 20% phần lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch. Mức thưởng cụ thể sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi có kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua. *h*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Tùng

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

V/v: Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt báo cáo ĐHĐCĐ như sau:

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên tổ chức ngày 03/03/2020, ĐHĐCĐ đã thông qua việc Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán; tuy nhiên do những điều kiện khách quan trong năm 2020; Công ty chưa hoàn thành việc triển khai các thủ tục để bổ sung các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

Vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung nhiệm vụ tiếp tục triển khai việc thực hiện bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán như trong năm 2021 như sau:

- Bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Bổ sung hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, bao gồm các nghiệp vụ:
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh;
 - Tự doanh chứng khoán phái sinh;
 - Môi giới chứng khoán phái sinh
- Bổ sung các nghiệp vụ kinh doanh khác (nếu có).

Việc đăng ký hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh được thực hiện khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan quản lý để thực hiện các thủ tục cần thiết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.



Phạm Thanh Tùng

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán sau đây làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021:

1. Công ty TNHH PKF Việt Nam
2. Công ty TNHH Kiểm toán TTP
3. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
4. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
5. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
6. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)

Trong trường hợp khi việc đàm phán về phí và thời gian kiểm toán đối với các đơn vị trên không đáp ứng được yêu cầu của Công ty thì HĐQT ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một đơn vị khác trong danh sách các đơn vị kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho doanh nghiệp niêm yết. Việc chọn đơn vị kiểm toán, Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt sẽ thực hiện công bố thông tin khi ký hợp đồng kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua. /*ĐK*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Tùng

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: Các Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

Ngày 31/07/2020, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 Công ty đã thông qua Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ/TVB với nội dung sửa đổi điều lệ cho phù hợp với yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty.

Tuy nhiên, bước sang năm 2021, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực kể từ 01/01/2021.

Để phù hợp với nội dung thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật đó, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua việc sửa đổi Điều lệ (Nội dung chi tiết theo file đính kèm). *Đa*

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu TVB.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Tùng

Điều khoản đề xuất sửa	Nội dung điều lệ cũ của Công ty	Nội dung điều lệ đề xuất sửa	Lý do, Căn cứ đề xuất sửa
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán; - Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; - Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP; - Thông tư 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán; - Thông tư số 07/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 210/2012/TT-BTC; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ 	<p>Theo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
Điểm c,	<p>“Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được</p>	<p>“Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số</p>	<p>Cập nhật theo các văn</p>



<p>Khoản 1 Điều 1. Giải thích từ ngữ</p>	<p>Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010</p>	<p>54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019</p>	<p>bản pháp luật mới</p>
<p>Điều d, Khoản 1, Điều 1. Giải thích từ ngữ</p>	<p>“Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014</p>	<p>“Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020</p>	<p>Cập nhật theo các văn bản pháp luật mới</p>
<p>Khoản 3 Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>Chưa quy định</p>	<p>4. Chi nhánh Công ty a) Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. b) Địa chỉ chi nhánh: Tầng 2 Tòa nhà Topaz, Số 66 Phố Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>Do giấy phép thành lập và hoạt động không có thời hạn</p>
<p>Khoản 5 Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>2. Thời hạn hoạt động: Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều lệ này</p>	<p>6. Thời hạn hoạt động: Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập cho đến khi giải thể hoặc phá sản, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo yêu cầu của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.</p>	<p>Diêm b khoản 1 Điều 182 Nghị Định số</p>
<p>Khoản 2 Điều 3.</p>	<p>Chưa quy định</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty đăng ký với UBCK và là</p>	<p>Diêm b khoản 1 Điều 182 Nghị Định số</p>

<p>Người đại diện theo pháp luật</p>	<p>người chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p>	<p>155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán</p>
<p>Điều 4 Ngành nghề kinh doanh</p>	<p>1. Nghiệp vụ kinh doanh chính của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Môi giới chứng khoán; b) Tự doanh chứng khoán; c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán; d) Tư vấn đầu tư chứng khoán; <p>2. Nghiệp vụ môi giới được cung cấp các dịch vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân; thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán; quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác; b) Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh. 3. Nghiệp vụ tự doanh chứng khoán công ty được giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh 	<p>Điều 72 Luật số 54/2019/QH14 Luật Chứng Khoán</p> <p>Doanh nghiệp thực hiện sau khi được UBCK cấp phép</p> <p>Khoản 1 Điều 86 Luật số 54/2019/QH14 Luật Chứng Khoán</p> <p>Khoản 2 Điều 86 Luật số 54/2019/QH14 Luật Chứng Khoán</p> <p>Khoản 3 Điều 86 Luật số 54/2019/QH14 Luật Chứng Khoán</p> <p>Khoản 4 Điều 86, khoản 32 Điều 4 Luật số 54/2019/QH14 Luật Chứng Khoán</p>

		<p>chứng khoán và được đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính.</p> <p>4. Nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán công ty được cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tài cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.</p> <p>5. Nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán công ty được ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng theo đó công ty cung cấp cho khách hàng kết quả phân tích, báo cáo phân tích và đưa ra khuyến nghị liên quan đến việc mua, bán, nắm giữ chứng khoán.</p> <p>6. Ngoài nghiệp vụ, dịch vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này, công ty chỉ được cung cấp dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.</p> <p>7. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ, dịch vụ kinh doanh nêu tại Điều này sau khi được UBCK chấp thuận</p>	<p>Giấy phép số 79/GPĐC-UBCK ngày 02/12/2020;</p>
<p>Điều 5. Vốn điều lệ</p>	<p>Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 521.198.830.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm hai mươi một tỷ, một trăm chín mươi tám triệu, tám trăm</p>	<p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 547.258.730.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bảy tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi</p>	

	ba mươi nghìn đồng).	nghìn đồng).	
Khoản 1 Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty	1. Nguyên tắc chung: a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan; c) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; d) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính; e) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố thuật hoặc sơ suất của nhân viên; f) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty; g) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính; h) Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực	1. Nguyên tắc chung: a) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan. b) Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện. c) Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán. d) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng. e) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của công ty chứng khoán. f) Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của công ty cho khách hàng phải phù hợp với tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư và khả năng chấp nhận rủi ro của từng khách hàng, trừ trường hợp khách hàng không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin nhưng không đầy đủ, chính xác. g) Cập nhật, lưu giữ đầy đủ hồ sơ thông tin khách hàng, chứng từ và phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của công ty chứng khoán.	Điều 89 Luật số 54/2019/QH14 Luật Chứng Khoán

	<p>hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;</p> <p>i) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>j) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;</p> <p>k) Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;</p>	<p>h) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.</p> <p>i) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.</p> <p>j) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.</p> <p>k) Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>l) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	
<p>Khoản 1</p> <p>Điều 10. Các quy định về cấm và hạn chế</p>	<p>1. Quy định đối với Công ty:</p> <p>a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;</p> <p>b) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;</p> <p>c) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;</p> <p>d) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người</p>	<p>1. Quy định đối với Công ty:</p> <p>a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định.</p> <p>b) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>c) Không được thực hiện hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán.</p> <p>d) Công ty phải thực hiện hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán với danh nghĩa của chính mình; không được sử dụng danh nghĩa tổ chức, cá nhân khác hoặc cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng danh nghĩa của mình để kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán.</p>	<p>Tham chiếu Điều 91 Luật số 54/2019/QH14 Luật Chứng Khoán</p>

<p>khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;</p> <p>e) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;</p> <p>f) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;</p> <p>g) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>h) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;</p> <p>i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;</p>	<p>e) Công ty không được góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của 01 công ty chứng khoán khác tại Việt Nam, trừ các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua để thực hiện hợp nhất, sáp nhập; - Mua để sở hữu hoặc cùng với người có liên quan (nếu có) sở hữu không quá 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch. <p>f) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;</p> <p>g) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;</p> <p>h) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;</p> <p>i) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;</p> <p>j) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;</p> <p>k) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc</p>
--	--

		<p>chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thỏa thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;</p>	
<p>Điều 11. Các loại cổ phần</p>	<p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 52.119.883 cổ phần. a, Cổ phần phổ thông: 52.119.883 cổ phần</p>	<p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 54.725.873 cổ phần a, Cổ phần phổ thông: 54.725.873 cổ phần c, Các loại cổ phần ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán: 0 cổ phần.</p>	<p>Cập nhật theo số cổ phần mới nhất Điểm d khoản 1 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 15. Mua lại cổ phần</p>	<p>1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật. 2. Các trường hợp mua lại cổ phần: a) Mua lại theo yêu cầu của cổ đông - Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên. - Trường hợp Công ty không mua lại cổ phần, không thanh toán được cổ phần được yêu cầu</p>	<p>Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14</p>

	<p>mua lại hoặc không thỏa thuận được về giá mua lại theo quy định tại Điều lệ công ty, thành viên yêu cầu Công ty mua lại cổ phần có quyền chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác. Trong trường hợp này, việc chuyển nhượng không bắt buộc phải thực hiện theo quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b) Mua lại theo quyết định của Công ty</p> <p>Công ty có thể mua lại cổ phiếu đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) để làm cổ phiếu quỹ. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua cổ phiếu quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>		
<p>Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ</p>	<p>Chưa quy định</p>	<p>4. Trình tự, thủ tục tăng/giảm vốn điều lệ thực hiện và tuân thủ theo các quy định của Luật chứng khoán, luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan</p>	
<p>Tiêu điểm iii, điểm a, khoản 1 Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty</p>	<p><i>Quyền được nhận các thông tin về Công ty và quyền xem xét, tra cứu danh sách cổ đông; yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty:</i></p> <p>- Tất cả cổ đông của Công ty đều có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng</p>	<p><i>Quyền được nhận các thông tin về Công ty và quyền xem xét, tra cứu danh sách cổ đông; yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty:</i></p> <p>- Tất cả cổ đông của Công ty đều có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị</p>	<p>Khoản 2 Điều 115 Luật số 59/2020/QH14 Luật Doanh Nghiệp</p>

	<p>cổ đông.</p> <p>- Chỉ có nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được quyền xem xét và trích lục sổ biên bản họp và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát và yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.</p> <p>- Trường hợp cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ đông có quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và bất thường về hoạt động của Công ty theo quy chế quản trị áp dụng cho công ty niêm yết.</p>	<p>quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông được quyền xem xét và trích lục sổ biên bản họp và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát và yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết</p>	<p>Khoản 2 Điều 51 Luật số 59/2020/QH14 Luật Doanh Nghiệp</p>
<p>Tiêu điểm vi, điểm a, khoản 1 Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty</p>	<p>Yêu cầu mua lại cổ phần phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng từng loại cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu này phải được gửi đến Công ty trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.</p>	<p>Yêu cầu mua lại cổ phần phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng từng loại cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu này phải được gửi đến Công ty trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên</p>	
<p>Tiêu điểm x, điểm a, khoản 1 Điều</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền triệu tập họp Đại</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong</p>	<p>Điểm c khoản 1 Điều 140 Luật số 59/2020/QH14 Luật</p>

17. Quyền của cổ đông Công ty	hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:	các trường hợp sau:	Doanh Nghiệp
Khoản 2, Điều 21. Đại hội đồng cổ đông	Chưa quy định	<p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</p>	Tham chiếu Điều 138 Luật số 59/2020/QH14 Luật Doanh Nghiệp
Điểm a, Khoản 2, Điều 23. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên số đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;	a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên số đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Khoản 1, Điều 25. Điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Điểm c, Khoản 4, Điều 25. Điều kiện	c) Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 140 của Luật Doanh nghiệp và Điều 19 của Điều lệ	c) Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 144 của Luật Doanh nghiệp và Điều	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

	<p>khác.</p> <p>4. Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán và các quy định có liên quan.</p>	<p>hiếm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác</p> <p>3. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.</p> <p>4. Không được làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.</p> <p>5. Đáp ứng các điều kiện khác đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan</p>	
<p>Điều 43. Quản trị rủi ro</p>	<p>Điều 39 cũ</p>	<p>Bộ nội dung kiểm toán nội bộ và quy định mới về quản trị rủi ro.</p>	<p>Điều 11 Thông tư số 121/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 44. Kiểm soát nội bộ</p>		<p>1. Công ty phải thiết lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình.</p> <p>2. Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:</p> <p>a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;</p> <p>b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt</p>	<p>Điều 12 Thông tư số 121/2020/TT-BTC</p>

<p>tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>này thì được phép ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>19 của Điều lệ này thì được phép ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
<p>Khoản 2, Điều 28. Thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	<p>Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
<p>Khoản 2, Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu đính kèm theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1417 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu đính kèm theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

<p>Điểm 8, Khoản 1 Điều 32. Hội đồng quản trị</p>	<p>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;</p>	<p>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;</p>	<p>Phù hợp với thực tế quản trị công ty</p>
<p>Khoản 1 Điều 33. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm là 5 năm kể từ thời điểm bầu</p>	<p>Số thành viên Hội đồng quản trị hiện tại của công ty là 05</p>	<p>Bổ sung làm rõ</p>
<p>Khoản 2 Điều 33. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm là 5 năm kể từ thời điểm bầu</p>	<p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm là 5 năm kể từ thời điểm bầu. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục</p>	<p>Khoản 2 Điều 154 Luật số 59/2020/QH14 Luật Doanh Nghiệp</p>
<p>Khoản 9, Điều 35.</p>	<p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức</p>	<p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

<p>Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp</p>	<p>điện từ khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có đầy đủ nội dung theo Điều 154 Luật doanh nghiệp</p>	<p>thức điện từ khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có đầy đủ nội dung theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp</p>	
<p>Điều 38. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành có hiệu lực đến 01/08/2020. Sau thời điểm 01/08/2020 Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.</p>	
<p>Khoản 3, Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác.</p>	<p>Không được đồng thời là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác.</p>	
<p>Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc</p>	<p>1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng. 3. Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp</p>	<p>1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật. 2. Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo</p>	<p>Khoản 5, Điều 74 Luật số 54/2019/QH14 Luật Chứng Khoán Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 121/2020/TT-BTC</p>

đồng tiền ăn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

- c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e) Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
3. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:
- a) Hoạt động của công ty chứng khoán tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
 - b) Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
 - c) Hoạt động của công ty chứng khoán an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu

		<p>quả tài sản và các nguồn lực:</p> <p>d) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>4. Yêu cầu nhân sự của bộ phận kiểm soát nội bộ</p> <p>a) Số trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;</p> <p>b) Trường bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, phẩm chất để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;</p> <p>c) Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các chi nhánh trong công ty;</p> <p>d) Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>Không kiêm nhiệm các công việc khác trong công ty chứng khoán</p>	
Điều 46. Ban kiểm soát	Chưa quy định cụ thể số thành viên	Số lượng thành viên hiện tại là 03	Làm rõ số lượng thành viên hiện tại
Điều 61. Con dấu	Chưa có	<p>1. Số lượng và hình thức con dấu :</p> <p>a) Số lượng con dấu: 02 dấu (có hình thức và nội</p>	Bổ sung điều khoản về con dấu do pháp luật về

	<p>dung con dấu giống nhau)</p> <p>b) Hình thức nội dung con dấu: Hình tròn, mực đỏ, kích thước 36mm, chính giữa con dấu là tên doanh nghiệp, vành dấu có số giấy phép thành lập và hoạt động, quận và thành phố của địa chỉ trụ sở chính.</p> <p>2. Sử dụng và lưu giữ con dấu:</p> <p>a) Việc thay đổi mẫu dấu, số lượng con dấu phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu hoặc ủy quyền cho người khác bảo quản, quản lý nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm cuối cùng đối với con dấu của công ty.</p> <p>c) Tất cả các văn bản của công ty đều phải có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của công ty.</p> <p>d) Con dấu phải được để tại trụ sở công ty và phải được quản lý chặt chẽ. Trường hợp thật cần thiết để giải quyết công việc ở xa trụ sở công ty thì Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền có thể mang con dấu đi theo và phải chịu trách nhiệm về việc mang con dấu ra khỏi công ty và có trách nhiệm hoàn trả con dấu khi thực hiện xong công việc.</p> <p>e) Con dấu đang sử dụng bị mòn, hỏng hoặc có sự thay đổi về nội dung con dấu thì công ty phải thực hiện khắc và xin cấp phép lại (nếu quy định của pháp luật yêu cầu).</p>	<p>doanh nghiệp không yêu cầu đối với con dấu. Tuy nhiên quản trị đối với công ty chứng khoán cần phải có con dấu trong giao dịch với KH và để quản trị rủi ro hoạt động.</p>
--	--	---

<p>Điều 67. Hiệu lực thi hành</p>	<p>Điều 65. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 8 Chương 65 Điều và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần chứng khoán Tri Việt nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.</p> <p>2. Điều lệ này được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p> <p>5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày tháng 08 năm 2020</p>	<p>Điều 67. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 9 Chương 67 Điều và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần chứng khoán Tri Việt nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.</p> <p>2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p> <p>4. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.</p>	<p>Sửa đổi lại cho phù hợp với số điều khoản của Điều lệ mới</p>
--	--	--	--



**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

V/v: Thông qua phân phối thu nhập năm 2020 và kế hoạch 2021

Kính gửi: Các Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021 như dưới đây:

1. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020:

- Lợi nhuận sau thuế: 72,292,354,128 đồng;
- Lợi nhuận phân phối các năm trước chuyển sang: 37,557,499,045 đồng;
- Tổng lợi nhuận sau thuế có thể phân phối : 109,849,853,173 đồng;
- Trích lập quỹ Dự trữ bổ sung V&L (tỷ lệ 5%): 973,966,986 đồng;
- Trích lập quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp (tỷ lệ 5%): 973,966,986 đồng;
- LN còn lại sau thuế & trích các quỹ bắt buộc : 107,901,919,201 đồng;
- Chi trả cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 7,3%: 35,452,030,000 đồng;
- Tạm ứng chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%: 54,725,873,002 đồng;
- Lợi nhuận giữ lại sau khi phân phối: 17,724,016,199 đồng.

2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021

Theo kế hoạch kinh doanh, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 100 tỷ đồng. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chi trả cổ tức như sau:

2.1. Mức chi trả cổ tức dự kiến năm 2021 tối đa không quá 20% vốn điều lệ căn cứ vào kết quả kinh doanh và lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;



2.2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, tỷ lệ tạm ứng hoặc chi trả cổ tức năm 2021 trên cơ sở kết quả kinh doanh thực tế tại thời điểm tạm ứng/chi trả, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng kính trình./. *sp*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu TVB.



TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt;

Để đảm bảo công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và hoàn thành trọng trách mà các cổ đông, Đại hội đồng cổ đông giao phó đồng thời đảm bảo việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán; Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

(Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu TVB.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phạm Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 01 tháng 03 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.



Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc), Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, chứng khoán, tài chính, ngân hàng;

c) Không được đồng thời là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

d) Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phát sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại [Điều lệ công ty].

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu

tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại

xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mọi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết đề Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt bao gồm 07 chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt;

Ngày 03/03/2020 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty đã thông qua sửa đổi một số nội dung trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Tuy nhiên để đáp ứng tốt yêu cầu thực tế trong quản trị điều hành, đồng thời để phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán mới có hiệu lực, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty mới.

(Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu TVB.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phạm Thanh Tùng

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ – ĐHĐCĐ/TVB ngày 01 tháng 03 năm 2021
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

1.2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị phải thông báo ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự cuộc họp ĐHĐCĐ ít nhất mười (10) ngày trước ngày chốt danh sách, thông báo phải được đưa lên website của Công ty.

d) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

h) Điều kiện tiến hành;

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

k) Cách thức bỏ phiếu;

Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình (trừ việc bầu thay thế thành viên HĐQT và bầu thay thế BKS)

- Nếu tán thành vấn đề yêu cầu biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào cột (1) và phải bỏ trống toàn bộ cột (2) (3)
- Nếu không tán thành vấn đề yêu cầu biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào cột (2) và phải bỏ trống toàn bộ cột (1) (3)
- Nếu không có ý kiến về vấn đề yêu cầu biểu quyết thì cổ đông đánh dấu nhân (X) vào cột (3) và phải bỏ trống toàn bộ cột (1) (2)
- Các vấn đề đưa ra biểu quyết, mỗi cổ đông chỉ sử dụng một Phiếu biểu quyết duy nhất mà trên Phiếu đã ghi rõ các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội.
- Chọn một trong ba ý kiến biểu quyết: **Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến.**

Đối với việc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị và bầu thay thế thành viên Ban kiểm

soát được tiến hành theo hình thức bầu dồn phiếu. Cụ thể:

VDI: Một cổ đông có số cổ phần đại diện là : 4.000 cổ phần . Số thành viên HĐQT cần bầu là 1 thành viên.

→ Số quyền bầu Hội đồng quản trị của cổ đông là: $1 \times 4.000 = 4.000$ quyền

Danh sách ứng cử viên vào Hội đồng quản trị là 02 người A, B. Cổ đông có thể bầu:

Cho ông A : 4.000 quyền

Cho ông B : 0 quyền

Tổng là : 4.000 quyền

Hoặc có thể bầu đều cho cả 2 ứng viên:

Cho ông A : 2.000 quyền

Cho ông B : 2.000 quyền

Tổng là : 4.000 quyền

m) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;

Các vấn đề đưa ra biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Trừ trường hợp bầu thay thế thành viên HĐQT, bầu thành viên BKS) phải được thông qua bởi ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông có quyền biểu quyết, có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. Đối với trường hợp biểu quyết thông qua việc sửa đổi điều lệ Công ty, thông qua việc tăng điều lệ Công ty, bổ sung nghiệp vụ kinh doanh của Công ty thông qua bởi ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông có quyền biểu quyết, có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Đối với việc bầu thành viên HĐQT, bầu thành viên BKS: thì người trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

- Trưởng ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết cho Đại hội đối với từng

vấn đề biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết phải được ghi vào Biên bản Đại hội đồng cổ đông.

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chương trình và nội dung cuộc họp;

- Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ các trường hợp sau:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;

Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách

nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến được áp dụng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền lợi của cổ đông như hình thức họp trực tiếp.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được áp dụng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền lợi của cổ đông như hình thức họp trực tiếp

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ

các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

1.1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Nhân sự ban Kiểm toán nội bộ, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;
- i) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
- j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên

Đại hội đồng cổ đông;

- m) Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- o) Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- p) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- q) Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này.

Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, lấy ý kiến qua thư điện tử theo địa chỉ do thành viên HĐQT đăng ký với công ty, lấy ý kiến qua điện thoại hoặc hình thức khác phù hợp. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng vi phạm pháp luật,

vi phạm nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, các cổ đông hoặc Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Công ty phải lập tức hủy bỏ nghị quyết và các quyết định có liên quan.

1.2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

i. Quyền được cung cấp thông tin:

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

ii. Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:

Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Thành viên Hội đồng quản trị tham gia quản lý điều hành Công ty (Bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐQT), hoặc thực hiện công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình

thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị

1.3. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là: 03 đến 11 thành viên. Số thành viên Hội đồng quản trị hiện tại của công ty là 05. Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 03 người. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị độc lập.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm là

5 năm kể từ thời điểm bầu. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
- Không được đồng thời là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác.
- Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
- Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ này;
- Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Có đơn xin từ nhiệm;
- Có bằng chứng chứng tỏ thành viên Hội đồng quản trị bị mất năng lực hành vi;
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Trường hợp bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: trong trường hợp một thành viên bị mất

tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị thì việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra hoặc do Đại hội đồng cổ đông trực tiếp bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

Hội đồng quản trị họp bất thường trong các trường hợp xét thấy cần thiết vì lợi ích Công

ty.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại quy chế hoạt động của HĐQT. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định

họp lần thứ nhất, trừ trường họp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường họp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp)
Cách thức biểu quyết;

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Trừ trường họp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường họp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường họp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Trường họp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp lý và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.

5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty;

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động

d) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Trường hợp vi phạm quy định mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

- Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;

Ban Kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 thành viên. Hiện tại số lượng thành viên Ban kiểm soát của công ty là 03.

Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là 05 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm trưởng ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán.

Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Việc bầu chọn thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện trên nguyên tắc bầu dồn phiếu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy

định tại tiết (xi) điểm a khoản 1 Điều 17 Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát theo quy định.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;

Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Việc bầu chọn thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện trên nguyên tắc bầu dồn phiếu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại tiết (xi) điểm a khoản 1 Điều 17 Điều lệ Công ty có quyền đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được tiến hành theo phương thức bầu dồn phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này;
- Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao¹. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- Các quyền và nhiệm vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;

Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn

chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là 05 năm.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật.
- Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác
- Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.
- Không được làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác².
- Đáp ứng các điều kiện khác đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan

b) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- Có đơn xin từ chức.
- Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt bao gồm 6 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2021. *tc*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Thanh Tùng

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt;

Ngày 03/03/2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty đã thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Tuy nhiên để đáp ứng tốt yêu cầu thực tế trong việc giám sát điều hành, đồng thời để phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán mới có hiệu lực, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát mới.

(Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu TVB.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



HÁN CÔNG KHANH

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số ... /2021/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày ... tháng ... năm ...
- Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
2. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

3. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
5. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
6. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
7. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm

soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt bao gồm 07 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Hàn Công Khanh



TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị theo đơn từ nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt ; .

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị theo đơn từ nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị. Cụ thể:

1. Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Nguyễn Thanh Duy và Ông Vũ Đình Hưng theo đơn từ nhiệm .
2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./. *tn*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Tùng

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát theo đơn từ nhiệm và bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt ; .

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát theo đơn từ nhiệm và tiến hành bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát. Cụ thể:

1. Miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Hán Công Khanh theo đơn từ nhiệm .
2. Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./. *ta*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Tùng

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHÀO BÁN THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP)

1. Phương án phát hành

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt
- Mệnh giá : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Tỷ lệ phát hành : Tỷ lệ phát hành tối đa không quá 5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm phát hành.
- Giá phát hành : Ủy quyền cho HĐQT quyết định giá chào bán, nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình : Cán bộ chủ chốt hiện đang tham gia điều hành Công ty.
Các nhân viên có đóng góp đáng kể vào hoạt động kinh doanh của Công ty và đang được cơ cấu vào các chức vụ Quản lý trong tương lai.
Các nhân viên cam kết gắn bó lâu dài với Công ty, có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 tháng trở lên
Số lượng cổ phiếu mà mỗi CBCNV được mua sẽ tính trên cơ sở: Thâm niên công tác và Chức vụ đang nắm giữ tại TVB, hoặc theo tiêu chuẩn do HĐQT đề ra nhằm mục đích đãi ngộ và giữ chân cán bộ công nhân viên có năng lực cao.
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua Danh sách và số lượng Cổ phiếu được quyền mua của cán bộ công nhân viên và công bố công khai
- Phương thức phân phối : Theo quy định của pháp luật cụ thể tại danh sách do Hội đồng quản trị phê duyệt (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông).
- Xử lý cổ phiếu không mua hết : Trường hợp số cổ phiếu phát hành cho CBCNV không được mua hết, Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho HĐQT phân phối tiếp cho các đối tượng khác trong danh sách cán bộ công nhân viên của Công ty theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Điều kiện chuyển : Toàn bộ cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng

nhượng

100% trong 12 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành và bị hạn chế chuyển nhượng 50% trong 6 tháng tiếp theo. Sau 12 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành 50% cổ phiếu Esop sẽ được giải tỏa hạn chế chuyển nhượng và sau 18 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, toàn bộ cổ phiếu ESOP không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Đăng ký mua cổ phần : Cán bộ công nhân viên được mua cổ phiếu sẽ tiến hành đăng ký mua cổ phiếu trực tiếp tại trụ sở Công ty theo thông báo và nộp tiền mua cổ phiếu trong thời gian quy định kể từ ngày có thông báo của Công ty.

- Mua lại cổ phiếu Esop : Người lao động nghỉ việc trong vòng 12 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành sẽ được Công ty và/hoặc Công đoàn công ty mua thu hồi 100% số cổ phần đã mua theo chương trình lựa chọn người lao động để thực hiện phân phối và thưởng cho các người lao động khác theo quy định của Công ty và/hoặc Công đoàn công ty.

Người lao động nghỉ việc trong vòng từ tháng 13 tiếp theo đến 18 tháng kể từ ngày hoàn thành việc phát hành sẽ được Công đoàn công ty mua thu hồi 50% số cổ phần đã mua theo chương trình lựa chọn người lao động để thực hiện phân phối và thưởng cho các người lao động khác theo quy định của Công ty và/hoặc Công đoàn công ty.

Trường hợp người lao động có thời gian nghỉ việc sau 18 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành thì số cổ phiếu mua theo chương trình lựa chọn người lao động không bị thu hồi.

Giá mua thu hồi bằng với giá đã chào bán cho người lao động hoặc bằng mệnh giá.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty có thể thay đổi các quy định về việc mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên nghỉ việc đã mua cổ phiếu theo chương trình ESOP làm cổ phiếu quỹ cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Thời gian dự kiến phát hành : Trong năm 2021, thời gian cụ thể uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

2. Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

a) Mục đích phát hành

Tri ân các CBNV có đóng góp lớn và gắn bó lâu dài với Công ty.



b) Phương án sử dụng vốn

Toàn bộ số vốn thu được từ đợt chào bán theo chương trình lựa chọn người lao động (Phát hành ESOP) được bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính.

3. Niêm yết bổ sung và lưu ký bổ sung

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty thực hiện lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung theo quy định của pháp luật.

4. Ủy quyền.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu chào bán theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP), bao gồm nhưng không giới hạn như:

- a) Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu chào bán theo chương trình lựa chọn người lao động:
 - Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép Ủy ban chứng khoán Nhà nước thực hiện việc phát hành cổ phiếu Esop;
 - Thông qua danh sách và số lượng cổ phiếu được quyền mua của cán bộ công nhân viên và công bố công khai.
 - Xây dựng kế hoạch sử dụng số tiền thu được đúng mục đích của đợt phát hành.
 - Quyết định phân phối số cổ phiếu còn lại do cán bộ công nhân viên không mua hết cho đối tượng khác trong danh sách cán bộ công nhân viên của Công ty với giá không thấp hơn giá đã phát hành.
- b) Thực hiện việc sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt phát hành.
- c) Thực hiện các thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty chứng khoán liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- d) Thực hiện các công việc khác có liên quan.

